

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 35/TTr-STTTT ngày 21/6/2019 về việc ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT.UBND Tỉnh;
- Ban Chỉ đạo 774-QĐ/TU;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Báo BRVT, Đài PTTH Tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, VX (...).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH 

NÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1586 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

Xây dựng một nền hành chính điện tử đồng bộ, hiện đại từ tỉnh đến cơ sở, hoàn thiện hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, tạo môi trường làm việc điện tử diện rộng, ổn định, an toàn thông tin, nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc; giảm thời gian, chi phí cũng như nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước của tỉnh.

2. Yêu cầu

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phải xác định việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, bắt buộc phải có trong quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển dài hạn và hàng năm cần thực hiện. Kế hoạch thực hiện phải gắn với việc hoàn thành mục tiêu đề ra trong Chương trình hành động.

Đảm bảo vai trò lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của cơ quan, đơn vị và gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Nghiên cứu, tìm hiểu, học tập kinh nghiệm các mô hình ứng dụng mới, khoa học, các điển hình tiên tiến, đúc kết kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

Hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; nâng cao chỉ số xếp hạng về ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh. Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Giai đoạn 2019-2020

- Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trên các lĩnh vực, góp phần quan trọng vào việc triển khai có hiệu quả chương trình cải cách hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng Chính quyền điện tử, hệ thống một cửa điện tử liên thông hiện đại. Đến năm 2020, cơ bản hoàn thiện khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đảm bảo hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên môi trường mạng; các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có liên quan đến người dân và doanh nghiệp được cung cấp qua mạng, đặc biệt là các lĩnh vực như giáo dục, y tế, giao thông, tài nguyên môi trường, xây dựng, công thương, đầu tư... đảm bảo sự hiệu quả, thân thiện trên diện rộng.

- Xây dựng hạ tầng thông tin hiện đại, chuẩn hóa, đồng bộ; đáp ứng sự chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền, nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Kết nối băng thông rộng, chất lượng cao đến 100% các xã, phường, thị trấn.

- Hoàn thiện, nâng cấp Trục liên thông văn bản của tỉnh làm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu... và là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Cập nhật đầy đủ, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Bảo hiểm, Đăng ký doanh nghiệp,... đã triển khai nhằm phục vụ công tác quản lý, xử lý công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử các cấp. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ thực tế của thủ tục được cung cấp ở các mức độ 3,4 của tỉnh đạt từ 20% trở lên.

- Tối thiểu 30% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đảm bảo Công Dịch vụ công của tỉnh hỗ trợ các thiết bị di động; 100%

dịch vụ công hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp và có công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện thanh toán trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

- 100% Công thông tin điện tử các sở, ban, ngành, địa phương cung cấp thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ;

- 100% phần mềm quản lý văn bản và điều hành của các sở, ban, ngành, địa phương được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

- Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.

- 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh tham gia tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo nâng cao kỹ năng ứng dụng và khai thác công nghệ thông tin, nâng cao kiến thức, nhận thức an toàn thông tin hằng năm; 100% công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và đảm bảo công tác an toàn, an ninh thông tin trong các cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học tại các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học, góp phần thúc đẩy xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức trong việc nghiên cứu, khai thác và sử dụng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng, góp phần hình thành xã hội thông tin, quản lý theo mô hình Chính quyền điện tử.

- Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước thông qua các hội nghị, hội thảo, trên các phương tiện thông tin phát

thanh, truyền hình, công thông tin điện tử,... để các ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân nhận thức rõ về vai trò, trách nhiệm và lợi ích trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan nhà nước.

b) Giai đoạn 2021-2025

- Tiếp tục phát triển các hệ thống nền tảng phát triển Chính quyền điện tử; hoàn thành triển khai Cơ sở dữ liệu về Tài chính, Cơ sở dữ liệu Đất đai và tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được xác thực điện tử.

- 40% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ thực tế của thủ tục được cung cấp ở các mức độ 3,4 đạt từ 50% trở lên; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 60% các hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp, xác thực lại khi thực hiện tại Bộ phận một cửa các cấp.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 80% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; đến cuối năm 2025, phần đầu 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua hệ thống tại các cuộc họp của Ủy ban nhân dân.

- Nâng cao chỉ số chính quyền điện tử của tỉnh, mục tiêu trong giai đoạn 2021 – 2025 đạt và duy trì trong top 10 các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử.

a) Cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử; ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh tạo điều kiện thuận lợi phát triển Chính quyền điện tử, đặc biệt là phát triển cơ sở hạ tầng thông tin, nguồn nhân lực, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; bảo đảm tính đồng bộ và gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính.

b) Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm cụ thể hóa các nội dung về an toàn thông tin theo hướng quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin đối với tổ chức, cá nhân; hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin.

c) Nghiên cứu, rà soát, tham mưu việc thay thế, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của tỉnh về công nghệ thông tin nhằm đáp ứng các yêu cầu về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin của tỉnh; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức thực thi một cách triệt để các quy định, quy chế đáp ứng yêu cầu về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của tỉnh.

d) Nâng cao hiệu quả, phương thức hoạt động, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử và Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo.

2. Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính quyền điện tử phù hợp với định hướng phát triển Chính phủ điện tử.

a) Hoàn thành xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và thường xuyên cập nhật, ban hành các phiên bản tiếp theo phù hợp với các phiên bản cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

b) Tiếp tục phát triển, hoàn thiện Trục kết nối, liên thông của tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, làm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh và đảm bảo tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia trong giai đoạn 2020-2025.

c) Triển khai, phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, chia sẻ, khai thác dữ liệu với hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin khác, đưa vào sử dụng chính thức từ năm 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

d) Triển khai, phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ngành, địa phương, hoàn thành trong năm 2020.

đ) Triển khai, cập nhật, khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành quan trọng của ngành tài chính về thuế, hải quan, kho bạc phục vụ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, hoàn thành trong năm 2020; chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ngành, địa phương, đưa vào sử dụng chính thức trong năm 2022, tiếp tục phát triển, hoàn thiện đến năm 2025.

e) Triển khai, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm phục vụ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương, trong đó ưu tiên chia sẻ dữ liệu trong lĩnh vực y tế, thuế, lao động, thương binh và xã hội, hoàn thành trong giai đoạn 2020-2025.

g) Triển khai, phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trong giai đoạn 2019-2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

h) Tiếp tục triển khai Cơ sở dữ liệu Đất đai của tỉnh kết nối Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia, đồng thời kết nối, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công của tỉnh, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Chính phủ, các bộ và các sở, ban, ngành, địa phương trong giai đoạn 2019-2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

i) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu Tài nguyên và môi trường, kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trong giai đoạn 2019-2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

k) Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian địa lý của tỉnh cung cấp hạ tầng dữ liệu thiết yếu cho vận hành, phát triển Chính quyền điện tử, các dịch vụ công trực tuyến, phát triển đô thị thông minh, triển khai trong giai đoạn 2019-2020, tiếp tục hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

l) Triển khai cơ sở dữ liệu về phương tiện giao thông phục vụ hoạch định chính sách, quy hoạch đô thị, triển khai trong giai đoạn 2019-2020, tiếp tục hoàn thiện, phát triển trong giai đoạn 2021-2025.

m) Triển khai, cập nhật đầy đủ, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, phục vụ công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo tỉnh, hoàn thành, đưa vào vận hành trên phạm vi toàn tỉnh trong năm 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

n) Triển khai xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử toàn quốc trên địa bàn tỉnh; tiến tới tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu về Dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, triển khai trong giai đoạn 2019-2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

o) Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang triển khai trên địa bàn tỉnh, kết nối liên thông, chia sẻ với các hệ thống thông tin của bộ, ngành chủ quản và các cơ quan nhà nước của tỉnh, nhằm phục vụ công tác xử lý, giải quyết thủ tục cho người dân và doanh nghiệp, triển khai trong giai đoạn 2019-2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

p) Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây, tối ưu hóa hạ tầng công nghệ thông tin theo khu vực, nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn thông tin, an ninh mạng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

q) Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước đến các hệ thống mạng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Rà soát và triển khai mở rộng kết nối đến các đơn vị sự nghiệp của tỉnh và các đơn vị khác theo yêu cầu, phù hợp với phạm vi và tính chất ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành, bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, an toàn thông tin,... triển khai trong giai đoạn 2019-2020, tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ trong giai đoạn 2021-2025.

r) Hoàn thiện hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ đến năm 2022. Từng bước đầu tư, xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh theo hướng hiện đại, đảm bảo phục vụ Chính quyền điện tử, hướng đến xây dựng Đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

3. Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi số, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

a) Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ tại HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện, đưa vào vận hành tại địa phương trong năm 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

b) Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (thực hiện theo lộ trình và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ);

c) Xây dựng, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh; tổ chức thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua cơ chế đăng nhập một lần từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, hoàn thành trong giai đoạn 2019-2020 và tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

d) Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước, bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

đ) Xây dựng kế hoạch bố trí đủ ngân sách hàng năm cho phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

e) Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan và theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh đảm bảo hiệu quả lâu dài, đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao của người dân và doanh nghiệp.

g) Ứng dụng công nghệ thông tin phải gắn liền với công tác cải cách hành chính, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh; nghiên cứu triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp với Hệ thống quản lý chất lượng ISO trong các cơ quan nhà nước theo hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan.

h) Tăng cường trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước cấp tỉnh với các bộ, ngành liên quan; giữa các sở, ban, ngành với cấp huyện, cấp xã; sử dụng hệ thống liên thông văn bản có hiệu quả từ Văn phòng Chính phủ đến Văn phòng UBND tỉnh đảm bảo thông suốt và an toàn, an ninh thông tin.

i) Tích cực sử dụng có hiệu quả Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh phục vụ các cuộc họp, phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh để rút ngắn thời gian họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước.

k) Nâng cao chất lượng dịch vụ Mạng truyền dữ liệu chuyên dùng trong hoạt động cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, bảo đảm lưu lượng băng thông khi kết nối; đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước thông suốt, an toàn và bảo mật.

l) Nâng cấp và mở rộng triển khai hạ tầng mạng Internet đến các xã, thôn, vùng sâu, vùng xa để người dân kịp thời cập nhật các thông tin có liên quan đến Đảng, Nhà nước và các quyền, lợi ích hợp pháp khác.

m) Nâng cao chất lượng cổng, trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước; tăng cường công khai, minh bạch các thông tin quản lý nhà nước và giao tiếp với công dân qua mạng viễn thông, internet theo quy định pháp luật.

n) Nghiên cứu, hợp tác với các doanh nghiệp trong việc thiết lập hệ thống điện tử, mạng xã hội nhằm tăng cường giao tiếp giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp.

4. Xây dựng Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân.

a) Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin; tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động Đội Ứng cứu sự cố máy tính của tỉnh, chú trọng việc đào tạo nâng cao năng lực của đội ngũ kỹ thuật chuyên trách.

c) Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng công an, quân đội, cơ yếu, thông tin và truyền thông, các doanh nghiệp về công nghệ thông tin để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.

d) Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và cho thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức trong giai đoạn 2019-2020, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

đ) Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính quyền điện tử; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

5. Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính quyền điện tử.

a) Tăng cường triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin để xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh nhằm tận dụng cơ sở hạ tầng đã đầu tư của các doanh nghiệp.

b) Nghiên cứu, đề xuất các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới, như: trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)... tại địa phương.

c) Chú trọng xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về Chính quyền điện tử, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

d) Tăng cường hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao và làm chủ các phần mềm ứng dụng quan trọng của tỉnh, từng bước đưa công nghệ mới, phần mềm nguồn mở, công nghệ mở, chuẩn mở vào áp dụng.

đ) Tiếp tục công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp về các lợi ích trong việc xây dựng Chính quyền điện tử. Đổi mới cách nghĩ, cách làm, nhận thức đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin là giải pháp cốt lõi để nâng cao năng suất lao động, thực hiện cải cách hành chính.

e) Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền điện tử với các tỉnh xếp hạng cao về Chính quyền điện tử.

g) Xây dựng và triển khai chương trình phối hợp, hợp tác giữa UBND tỉnh với các tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin trong nước để xây dựng hạ tầng thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh.

6. Thiết lập cơ chế bảo đảm thực thi.

a) Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng ban, trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử trong tỉnh.

b) Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh đóng vai trò bảo đảm triển khai, thực thi trong việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh, trong đó Sở Thông tin và Truyền thông và Văn phòng UBND tỉnh là hạt nhân xây dựng Chính quyền điện tử, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách hành chính của tỉnh.

IV. DANH MỤC MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Theo phụ lục chi tiết đính kèm).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh

a) Chỉ đạo công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để các dự án, nhiệm vụ có yêu cầu phối hợp hoạt động của nhiều đơn vị được triển khai đồng bộ, thống nhất.

b) Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, gắn với các nội dung cải cách hành chính, góp phần xây dựng thành công Chính quyền điện tử tại tỉnh.

c) Các thành viên Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT của tỉnh có trách nhiệm đôn đốc việc triển khai Kế hoạch tại đơn vị mình.

d) Thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo theo Quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì giúp UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh chỉ đạo, đôn đốc và điều phối việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ và sự hỗ trợ, tăng cường năng lực quản lý, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan trực thuộc Bộ.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin từ tỉnh đến cơ sở, làm đầu mối chủ trì, phối hợp giữa các cơ quan ngành dọc, các tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong việc triển khai các nội dung ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

d) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin; phối hợp, hỗ trợ triển khai các dự án công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng danh mục các dự án đầu tư trung hạn, các nhiệm vụ về công nghệ thông tin trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh đảm bảo tính kế thừa, thống nhất, đồng bộ, tiết kiệm và hiệu quả.

e) Phối hợp với Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư đề xuất, trình UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm cho xây dựng Chính quyền điện tử.

g) Đảm bảo hệ thống Mạng truyền số liệu chuyên dùng đáp ứng việc khai thác và sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm dùng chung từ Trung ương đến địa phương, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng.

h) Tăng cường việc giám sát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các sự cố, cảnh báo các cuộc tấn công của tin tặc trong và ngoài nước đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin của tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị tăng cường, đẩy mạnh việc gửi nhận văn bản điện tử theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các giải pháp đẩy mạnh việc tiếp nhận, giải quyết, trả hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt mục tiêu đề ra.

4. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì giúp UBND tỉnh sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy thực hiện nhiệm vụ về công nghệ thông tin của các đơn vị sự nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

c) Từng bước đưa chỉ số đánh giá hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin (ICT Index) là nội dung thường xuyên trong hoạt động chỉ đạo, điều hành và chấm điểm trong cải cách hành chính.

d) Nghiên cứu đề xuất cải tiến quy trình làm việc, tối giản hồ sơ giấy, tăng cường công tác tin học hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

đ) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

5. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch của UBND tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách và khả năng cân đối ngân sách.

b) Đánh giá, giám sát kinh phí chi cho ứng dụng công nghệ thông tin tại các sở, ban, ngành, địa phương.

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện bố trí kinh phí theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan bố trí đủ kinh phí chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ đăng ký doanh nghiệp và đăng ký đầu tư qua mạng điện tử.

c) Công bố và công khai đầy đủ các quy định về điều kiện, thủ tục đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và của Sở; rà soát, đánh giá và kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết.

d) Cung cấp thông tin, dữ liệu trực tuyến về doanh nghiệp đến các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

đ) Triển khai các hình thức đấu thầu, mua sắm công qua mạng.

7. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chuyển giao, ứng dụng về công nghệ thông tin. Tăng cường năng lực nghiên cứu, sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin, từng bước làm chủ công nghệ mới.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất và triển khai các chính sách, quy định, giải pháp của nhà nước về công nghệ thông tin trong ngành giáo dục và đào tạo; từng bước đưa công nghệ thông tin vào công tác quản lý giáo dục, chương trình giáo dục các cấp nhằm đẩy mạnh nhận thức, trình độ về công nghệ thông tin cho học sinh, sinh viên, phụ huynh trong công tác giảng dạy; nâng cao hiệu quả quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện lồng ghép nội dung về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ liên quan chương trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

9. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ vào Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; xác định mục tiêu, nhiệm vụ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đã nêu trong Kế hoạch hành động này và trong Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch này trong lĩnh vực được giao.

b) Giám đốc các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị mình; phân công một đồng chí lãnh đạo trực tiếp chịu trách nhiệm theo dõi triển khai ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước và các ứng dụng chuyên ngành, phần mềm dùng chung nhằm nâng cao hiệu quả công tác trong cơ quan, đơn vị mình.

d) Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, đảm bảo việc kết nối liên thông và thông suốt, kết hợp ứng dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

đ) Tăng cường kỹ năng cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và nâng cao kỹ năng ứng dụng tin học cho cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị mình để đáp ứng tốt công tác triển khai, vận hành các hệ thống ứng dụng

công nghệ thông tin; có kế hoạch nâng cao trình độ cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin ở các cơ quan cấp sở, cấp huyện có trình độ tối thiểu từ đại học trở lên chuyên ngành đào tạo về công nghệ thông tin.

e) Xây dựng kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến qua mạng theo hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan và theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh. Thường xuyên đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ qua mạng theo đúng quy định, hướng dẫn, giảm số lượng, thời gian và chi phí giải quyết hồ sơ.

g) Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và số lượng hồ sơ nộp qua mạng của cơ quan, đơn vị mình; có giải pháp xử lý phù hợp, kịp thời, linh hoạt đối với những vấn đề mới phát sinh; kiến nghị, đề xuất những giải pháp chỉ đạo, điều hành phù hợp, hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KN CHỦ TỊCH *Thy*

PHÓ CHỦ TỊCH



ong

Nguyễn Thành Long



PHỤ LỤC

Danh mục các đề án, dự án, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025
(kèm theo Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh)

TT	Danh mục dự án, đề án CNTT	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp triển khai	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
I	Xây dựng, hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử.				
1	- Lập Đề án “Xây dựng hệ sinh thái ứng dụng CNTT và truyền thông (ICT) các sản phẩm, dịch vụ phát triển đô thị thông minh”. (sau khi có chủ trương của UBND tỉnh về việc đổi tên đề án theo đề nghị của Sở TT&TT)	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	2019-2020	
2	- Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực hoạt động của các Trung tâm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin thuộc các ngành đang quản lý.	Sở Nội vụ	Các sở ngành, có liên quan	2020-2025	
3	- Tổ chức hướng dẫn, định hướng các cơ quan báo chí, đài đầy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật và Nhà nước về CNTT.	Sở TT&TT	Báo BRVT, Đài PTTH tỉnh, các sở, ngành, địa phương.	Hàng năm	
4	- Rà soát bổ sung nội dung ứng dụng công nghệ thông tin vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, sở, ban, ngành, địa phương.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan	2019-2025	
5	- Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin, hệ thống mạng, cơ sở dữ liệu dùng chung, các hạ tầng thông tin trọng yếu của cơ quan Đảng, Nhà nước.	Sở TT&TT	BCH Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan	Hàng năm	



TT	Danh mục dự án, đề án CNTT	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp triển khai	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
6	- Xây dựng quy chế về quản lý, khai thác, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	2019-2020	
7	- Triển khai các quyết định, quy định, hướng dẫn khác của Trung ương.	UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	Hàng năm	
II	Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính quyền điện tử phù hợp với định hướng phát triển Chính phủ điện tử.				
1	- Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh BR-VT phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0” (sau khi Chính phủ phê duyệt)	Sở TTTT	Các sở ngành, địa phương thuộc tỉnh	2019-2020	
2	- Triển khai CSDL về Dân cư.	Bộ Công an	Công an tỉnh	2019-2025	
3	- Triển khai CSDL về Đăng ký doanh nghiệp.	Bộ KHĐT	Sở KHĐT	2019-2025	
4	- Triển khai CSDL về Đất đai.	Bộ TN&MT	Sở TN&MT	2019-2025	
5	- Triển khai CSDL về Tài chính.	Bộ Tài chính	Sở Tài chính	2019-2025	
6	- Triển khai CSDL về Bảo hiểm.	Bảo hiểm xã hội VN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	2019-2025	
7	- Triển khai CSDL Thống kê tổng hợp về dân số.	Bộ KHĐT	Sở KHĐT	2019-2025	
8	- Triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.	Bộ LĐTB&XH	Sở LĐTB&XH	2019-2025	
9	- Triển khai CSDL cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2025	



TT	Danh mục dự án, đề án CNTT	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp triển khai	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
10	- Triển khai CSDL ngành Thông tin và Truyền thông.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2025	
11	- Triển khai CSDL ngành tài chính (các hệ thống thông tin: TABMIS; QLNS; QLTSNN; IMAS; KTXA...).	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2025	
12	- Triển khai CSDL ngành Tư pháp (<i>Cơ sở dữ liệu về hộ tịch, lý lịch tư pháp, quốc tịch</i>).	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2025	
13	- Triển khai, cập nhật CSDL ngân hàng lao động xã hội.	Sở LĐTBXH	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2025	
14	- Xây dựng phần mềm ứng dụng, HTTT địa lý GIS phục vụ công tác quản lý đô thị.	Sở Xây Dựng	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2025	
15	- Xây dựng HTTT và CSDL ngành tài nguyên và môi trường	Sở TNMT	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2025	
16	- Triển khai CSDL về Đầu tư nước ngoài.	Bộ KHĐT	Sở KHĐT	2019-2025	
17	- Triển khai CSDL về Bảo hiểm thất nghiệp.	Bộ LĐTBXH	Sở LĐTBXH	2019-2025	
18	- Triển khai HTTT Quản lý hộ nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng.	Bộ LĐTBXH	Sở LĐTBXH	2019-2025	
19	- Cổng thông tin điện tử về liệt sĩ, mộ liệt sĩ, NTLS.	Bộ LĐTBXH	Sở LĐTBXH	2019-2025	
20	- Triển khai, cập nhật CSDL Cấp đổi giấy phép lái xe.	Bộ GTVT	Sở GTVT	2019-2025	
21	- Triển khai, cập nhật CSDL Quản lý vận tải.	Bộ GTVT	Sở GTVT	2019-2025	



TT Danh mục dự án, đề án CNTT		Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp triển khai	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
22	- Triển khai Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.	Bộ KH&ĐT	Sở KH&ĐT	2019-2025	
23	- Triển khai HTTT về cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong khu công nghiệp.	Bộ Công thương	Sở Công thương	2019-2025	
24	- Triển khai HTTT về liệt sỹ, thương bệnh binh.	Tổng cục chính trị	Sở LĐTBXH	2019-2025	
25	- Triển khai HTTT quản lý Căn cước công dân.	Bộ Công An	Công an tỉnh	2019-2025	
26	- Cập nhật các Văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật.	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp, các cơ quan, đơn vị liên quan	2019-2025	
27	- Triển khai HTTT mạng đấu thầu quốc gia.	Bộ KH&ĐT	Sở KH&ĐT	2019-2025	
28	- Triển khai, mở rộng CSDL ngành giáo dục và đào tạo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	2019-2025	
29	- Xây dựng Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	2022-2025	
30	- Thuê trung tâm dữ liệu (DC).	Sở TT&TT – Trung tâm CNTT&TT	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019 - 2021	
31	- Xây dựng CSDL ngành khoa học công nghệ.	Sở KH&CN - Trung tâm Thông tin và ứng dụng KH&CN	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2025	



TT	Danh mục dự án, đề án CNTT	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp triển khai	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
III	Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi số, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.				
1	- Triển khai, nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ tại Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh BR-VT.	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng HĐND tỉnh; UBND, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh BR-VT	2020-2025	Theo hướng dẫn của VPCP
2	- “Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin báo cáo tỉnh BR-VT, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ”	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2022	Theo hướng dẫn của VPCP
3	- Triển khai Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử - eCosys	Bộ công thương	Sở Công thương	2019-2025	
4	- Xây dựng, nâng cấp hạ tầng mạng WAN toàn tỉnh.	Sở TT&TT – Trung tâm CNTT&TT	Các sở, ban, ngành	2019-2020	
5	- Xây dựng, triển khai thực hiện các Dự án thành phần của đô thị thông minh, như: chính quyền điện tử và các lĩnh vực: giao thông thông minh, giáo dục thông minh, y tế thông minh, du lịch thông minh, an ninh trật tự thông minh, môi trường thông minh, nông nghiệp thông minh, quản lý hạ tầng đô thị thông minh...	Sở TT&TT và các sở, ngành, địa phương	Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	2019-2025	
6	- Nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã.	Sở TT&TT – Trung tâm CNTT&TT	UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn	2019-2020	



TT	Danh mục dự án, đề án CNTT	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp triển khai	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
7	- Xây dựng mô hình Tổng đài hành chính công của tỉnh (gồm hệ thống đường dây nóng của tỉnh, hệ thống giao dịch hỗ trợ dịch vụ cho người dân...)	VP UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn	2019-2020	
8	- Triển khai phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.	Sở TT&TT	Bộ phận một cửa cấp tỉnh, VP UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành, địa phương.	2019-2020	
9	- Tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống thông tin theo dõi việc thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh.	VP UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2025	
10	- Tiếp tục phát triển phần mềm và mở rộng CSDL về tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại tố cáo.	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2020	
11	- Xây dựng danh mục người dùng làm CSDL thống nhất trong phạm vi tỉnh (Hệ thống định danh AD).	Trung tâm CNTT&TT	Các sở, ban, ngành, địa phương	2020-2022	
12	- Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện nền tảng kết nối, chia sẻ quy mô cấp tỉnh (LGSP) giai đoạn 2, đảm bảo tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.	Sở TT&TT – Trung tâm CNTT&TT	Các sở, ban, ngành, địa phương	2020-2022	
13	- Cổng thanh toán trực tuyến.	Sở TT&TT – Trung tâm CNTT&TT	Bộ phận tiếp nhận cấp tỉnh, huyện, xã	2019-2020	
14	- Nâng cấp, mở rộng Cổng thông tin điện tử tỉnh và phát triển các dịch vụ công thông tin điện tử để quản lý tốt các trang thông tin điện tử thành phần và cung cấp thông tin, tương tác với người dân.	VP UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2025	



TT	Danh mục dự án, đề án CNTT	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp triển khai	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
15	- Xây dựng Cổng dịch vụ hành chính công thống nhất của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2020	
16	- Nâng cấp, chuyển đổi phần mềm quản lý và điều hành văn bản theo hướng tập trung, đảm bảo liên thông 4 cấp.	Sở TT&TT – Trung tâm CNTT&TT	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2020	
17	- Xây dựng, phát triển mở rộng hệ thống ATLAS tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.	Sở TN&MT	Các sở, ban, ngành, địa phương	2019-2020	
18	- Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý Cảng, Hậu cần cảng (Logistic).	Sở Giao thông và vận tải	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2019-2020	
19	- Triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý trong lĩnh vực du lịch, truyền tải quảng bá hình ảnh và thông tin du lịch của tỉnh, cung cấp các dịch vụ tra cứu thông tin, hạ tầng thông tin làm nền tảng phát triển du lịch thông minh.	Sở Du lịch	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	2019-2021	
20	- Triển khai thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử và các đề án liên quan đến thương mại, thanh toán điện tử.	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan	2019-2020	
21	- Xây dựng Cổng thông tin điện ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.	Sở Giáo dục & Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và CN, Sở TT&TT	Năm 2020	
22	- Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước.	Sở TTTT	Các Sở ngành, địa phương thuộc tỉnh	2019-2025	



TT	Danh mục dự án, đề án CNTT	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp triển khai	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
23	- Thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định, bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.	Sở Nội vụ	Các Sở ngành, địa phương thuộc tỉnh	2020–2025	
IV	Xây dựng Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân.				
1	- Thực hiện rà soát, đánh giá an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin của tỉnh.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	
2	- Hướng dẫn, tập huấn sử dụng CKS-CTS cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
3	- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Đội ứng cứu sự cố tỉnh.	Sở TT&TT	Trung tâm CNTT&TT; Đội UCSC tỉnh	Hàng năm	
4	- Thuê dịch vụ đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.	Sở TT&TT	Trung tâm CNTT&TT	Hàng năm	
V	Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính quyền điện tử.				
1	- Xây dựng và triển khai chương trình phối hợp giữa UBND tỉnh với các Tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin trong nước để xây dựng hạ tầng thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh.	Sở TT&TT	Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan liên quan	2019-2025	
2	- Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức quản lý, kỹ năng về công nghệ thông tin và An toàn thông tin cho CBCCVC.	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm CNTT&TT, Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	



TT		Danh mục dự án, đề án CNTT	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp triển khai	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
3		- Xây dựng chính sách, cơ chế thu hút nguồn nhân lực tham gia xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh.	Sở TT&TT	Sở Nội vụ	2020-2025	
4		- Đẩy mạnh công tác truyền thông để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về Chính quyền điện tử của tỉnh.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
VI Thiết lập cơ chế bảo đảm thực thi.						
1		- Thành lập Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử của tỉnh; Tổ công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2019	
2		- Đưa tiêu chí ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào tiêu chí đánh giá về cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị.	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	2019-2025	
3		- Thực hiện rà soát, bổ sung tiêu chí đánh giá, xếp hạng chỉ số ứng dụng phát triển công nghệ thông tin, chỉ số chính quyền điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương và của người đứng đầu.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	